

Bản án số: 1674/2026/DS-ST

Ngày 23 - 4 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiền

2. Bà Tống Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 567/2025/TLST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Q.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Q: ông Nguyễn Thành Nhân, sinh năm 1993 – có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: bà Sơn Thị Huỳnh N, sinh năm 2002 – vắng mặt;

Địa chỉ: phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28/9/2022, bà Sơn Thị Huỳnh N có ký với Ngân hàng T(sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng

với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,77%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Sơn Thị Huỳnh N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.260.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Sơn Thị Huỳnh N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.225.083 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Bà Sơn Thị Huỳnh N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 18 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/7/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 23.258.543 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Huỳnh N thanh toán tiền tạm tính đến ngày 13/02/2026 tổng cộng là 53.785.026 đồng. Trong đó: nợ gốc là 23.258.543 đồng; Lãi quá hạn là 30.526.483 đồng. Và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 14/02/2026 cho đến khi thanh xong khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vắng mặt nhưng có gửi cho Tòa án bản tự khai, bảng tóm tắt sao kê yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Huỳnh N phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử tổng cộng là: 56.004.549 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 23.258.543 đồng, nợ lãi quá hạn là: 32.746.006 đồng; yêu cầu bà Sơn Thị Huỳnh N tiếp tục chịu lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bị đơn là bà Sơn Thị Huỳnh N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại số phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Mục 15 (STT – 163) của Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện của Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: bà Sơn Thị Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Sơn Thị Huỳnh N vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Thành Nhân là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

[3.1] Về khoản dư nợ chuyển sang nợ quá hạn:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 28/9/2022, bà Sơn Thị Huỳnh N ký với Ngân hàng T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo nội dung thỏa thuận, Ngân hàng cấp cho bà Sơn Thị Huỳnh N hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng. Loại thẻ Visa Pay Wave Cre Classic, số thẻ 472074-7631

Xét thấy, Ngân hàng T là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; bà Sơn Thị Huỳnh N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Việc giao kết hợp đồng được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện; nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Sơn Thị Huỳnh N đã thực hiện các giao dịch sử dụng thẻ với tổng số tiền 22.260.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.225.083 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo các kỳ sao kê theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng.

Theo Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ các khoản tiền phát sinh từ

việc sử dụng thẻ tín dụng theo thông báo sao kê của Ngân hàng. Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn được xác định là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Căn cứ Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn để thu hồi nợ. Việc các bên thỏa thuận về quyền xử lý nợ trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ là phù hợp với nguyên tắc tự do thỏa thuận trong giao kết hợp đồng.

Ngày 11/7/2023, Ngân hàng xác định tổng dư nợ của bà Sơn Thị Huỳnh N là 23.258.543 đồng theo bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp. Khoản tiền này bao gồm các khoản phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng và các khoản lãi, phí theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Sơn Thị Huỳnh N thanh toán số tiền là 23.258.543 đồng.

[3.2]. Về yêu cầu trả tiền lãi quá hạn:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, trong trường hợp chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn, Ngân hàng có quyền áp dụng lãi suất quá hạn đối với khoản dư nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận, cụ thể bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Việc thỏa thuận về lãi suất, phương thức tính lãi và lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng và khách hàng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 11/7/2023, Ngân hàng xác định bà Sơn Thị Huỳnh N còn dư nợ chưa thanh toán là 23.258.543 đồng. Đây là số tiền còn phải thanh toán theo sao kê và bảng tính nợ do Ngân hàng cung cấp, bao gồm các khoản phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ và các khoản lãi, phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ thỏa thuận giữa các bên, sau thời điểm chuyển nợ quá hạn, khoản dư nợ chưa thanh toán nêu trên tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất đã được xác định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng lãi suất quá hạn và cách tính lãi (150% * 2.77%) của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định pháp luật, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi quá hạn đã được tính đến ngày xét xử.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Sơn Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng Ttheo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Tkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Mục 15 (STT – 163) của Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện của Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Sơn Thị Huỳnh N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày xét xử là: 56.004.549 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó, dư nợ gốc là 23.258.543 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là: 32.746.006 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm lẻ sáu đồng) phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất được tiếp tục điều chỉnh tương ứng trong giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Sơn Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.227 đồng (hai triệu tám trăm nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T số tiền là 1.048.689 đồng (một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0077353 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm